

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025 - KHÓA 59**

(Kèm theo QĐ số 487 /QĐ-ĐHTM ngày 02 tháng 4 năm 2025)

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
1	23D100160	Lê Bảo	Châu	K59A4	A	15		9.20	4.00	91		Xuất sắc
2	23D100083	Nguyễn Thị	Mai	K59A2	A	15		9.05	4.00	87		Giỏi
3	23D100185	Nguyễn Hải	Ly	K59A4	A	16		8.96	3.94	97		Giỏi
4	23D100129	Đổng Khánh	Linh	K59A3	A	16		8.88	3.81	85		Giỏi
5	23D100111	Trần Thị	Chi	K59A3	A	16		8.86	3.91	100		Giỏi
6	23D100229	Nguyễn Thị	Liên	K59A5	A	15		8.75	3.80	93		Giỏi
7	23D100168	Phạm Thị Hồng	Hạnh	K59A4	A	18		8.68	3.81	84		Giỏi
8	23D100143	Tô Thị Thuý	Phương	K59A3	A	15		8.58	3.83	92		Giỏi
9	23D100065	Nguyễn Ngọc	Hà	K59A2	A	18		8.52	3.69	85		Khá
10	23D100089	Nguyễn Quỳnh	Như	K59A2	A	15		8.47	3.80	83		Khá
11	23D100200	Nguyễn Thị Thu	Trang	K59A4	A	15		8.46	3.57	83		Khá
12	23D100208	Nguyễn Thị Vân	Anh	K59A5	A	18		8.46	3.75	89		Khá
13	23D100114	Nguyễn Thị Ánh	Dương	K59A3	A	16		8.41	3.72	99		Khá
14	23D100045	Đinh Vũ Thuý	Trang	K59A1	A	15		8.39	3.57	90		Khá
15	23D100110	Ngô Diệu	Chi	K59A3	A	16		8.36	3.63	90		Khá
16	23D100226	Nguyễn Thị Thu	Hương	K59A5	A	15		8.35	3.67	85		Khá
17	23D100028	Phan Thị Ngọc	Linh	K59A1	A	18		8.32	3.61	95		Khá
18	23D100131	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K59A3	A	15		8.31	3.63	85		Khá
19	23D100039	Ngô Xuân	Phương	K59A1	A	16		8.29	3.63	83		Khá
20	23D100163	Nguyễn Tiến	Đại	K59A4	A	16		8.29	3.41	83		Khá
21	23D100183	Trần Thị Phương	Linh	K59A4	A	15		8.28	3.53	80		Khá
22	23D100166	Nguyễn Thị Việt	Hà	K59A4	A	18		8.25	3.53	88		Khá
23	23D108082	Trần Thị	Ngọc	K59AA2	AA	18		8.43	3.83	85		Giỏi
24	23D108004	Nguyễn Chúc	Anh	K59AA1	AA	18		8.03	3.33	95		Giỏi
25	23D108069	Nguyễn Thu	Hương	K59AA2	AA	18		8.01	3.33	87		Giỏi
26	23D108107	Trần Thanh	Bình	K59AA3	AA	18		7.94	3.33	87		Khá
27	23D108090	Phạm Thu	Quỳnh	K59AA2	AA	18		7.91	3.25	82		Khá
28	23D108094	Đỗ Thị	Thùy	K59AA2	AA	18		7.86	3.22	83		Khá
29	23D108088	Vũ Minh	Phương	K59AA2	AA	18		7.82	3.33	91		Khá
30	23D108126	Trần Khánh	Linh	K59AA3	AA	18		7.74	3.25	95		Khá
31	23D108016	Giáp Thị Mai	Huyền	K59AA1	AA	18		7.71	3.08	97		Khá
32	23D108064	Vũ Thị Thu	Hiền	K59AA2	AA	18		7.68	3.11	80		Khá
33	23D108074	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	K59AA2	AA	18		7.65	3.17	80		Khá
34	23D108024	Đào Khánh	Linh	K59AA1	AA	18		7.63	3.19	82		Khá
35	23D108083	Đào Thị Yến	Nhi	K59AA2	AA	18		7.63	3.11	75		Khá
36	23D109069	Nguyễn Hà	My	K59AS2	AS	18		8.93	3.75	86		Giỏi
37	23D109054	Đào Thanh	Hằng	K59AS2	AS	16		8.80	3.78	100		Giỏi
38	23D109084	Nguyễn Thị	Trúc	K59AS2	AS	18		8.36	3.56	84		Giỏi
39	23D109006	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	K59AS1	AS	16		8.31	3.69	85		Khá
40	23D109057	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	K59AS2	AS	18		8.29	3.50	94		Khá
41	23D109059	Nguyễn Thị Thu	Huyền	K59AS2	AS	16		8.26	3.53	90		Khá
42	23D109036	Leo Thị Thanh	Thu	K59AS1	AS	16		8.19	3.44	84		Khá

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
43	23D109082	Nguyễn Thị Lưu	Trang	K59AS2	AS	19		8.19	3.50	89		Khá
44	23D253018	Đinh Trúc	Quỳnh	K59BBK1	BBK	15		8.49	3.73	81		Giỏi
45	23D253013	Đỗ Nhật	Linh	K59BBK1	BBK	15		8.37	3.73	89		Khá
46	23D112020	Nguyễn Phương	Linh	K59BKN1	BKN	14		8.78	3.93	86		Giỏi
47	23D112052	Trương Thanh	Hải	K59BKN2	BKN	14		8.78	3.79	92		Giỏi
48	23D112019	Nguyễn Mai	Linh	K59BKN1	BKN	12	2	8.59	3.75	96		Giỏi
49	23D112048	Nguyễn Phương	Dung	K59BKN2	BKN	12	2	8.49	3.67	87		Khá
50	23D112074	Đoàn Phương	Thảo	K59BKN2	BKN	12	2	8.49	3.58	85		Khá
51	23D112017	Ngô Quang	Khải	K59BKN1	BKN	14		8.40	3.68	90		Khá
52	23D112080	Nguyễn Thị Hải	Yến	K59BKN2	BKN	14		8.28	3.71	95		Khá
53	23D110144	Nghiêm Thị Tuyết	Mai	K59BKS3	BKS	14		9.16	3.93	91		Xuất sắc
54	23D110141	Nguyễn Phương	Linh	K59BKS3	BKS	14		9.03	3.93	90		Giỏi
55	23D110109	Trần Thị Tú	Uyên	K59BKS2	BKS	14		8.82	3.86	90		Giỏi
56	23D110092	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	K59BKS2	BKS	14		8.81	3.93	92		Giỏi
57	23D110161	Nguyễn Thùy	Trang	K59BKS3	BKS	14		8.81	3.93	89		Giỏi
58	23D110152	Nguyễn Linh	Nhi	K59BKS3	BKS	12	2	8.66	3.83	94		Khá
59	23D110032	Nguyễn Diệu	Linh	K59BKS1	BKS	14		8.64	3.79	90		Khá
60	23D110113	Nguyễn Thị Vân	Anh	K59BKS3	BKS	12	2	8.54	3.50	83		Khá
61	23D110154	Phạm Việt	Phương	K59BKS3	BKS	12	2	8.54	3.58	85		Khá
62	23D110085	Nguyễn Thị Ánh	Linh	K59BKS2	BKS	14		8.49	3.68	90		Khá
63	23D110123	Nguyễn Minh	Đức	K59BKS3	BKS	14		8.49	3.75	89		Khá
64	23D110013	Lê Thùy	Dương	K59BKS1	BKS	14		8.44	3.57	82		Khá
65	23D110080	Trần Thị	Hường	K59BKS2	BKS	14		8.34	3.50	81		Khá
66	23D250009	Nguyễn Trịnh Minh	Châu	K59BLH1	BLH	12	2	8.83	3.92	86		Giỏi
67	23D250030	Nguyễn Ánh	Ngọc	K59BLH1	BLH	14		8.72	3.57	95		Khá
68	23D250013	Lê Thị Thu	Hà	K59BLH1	BLH	14		8.60	3.79	84		Khá
69	23D250041	Lê Phương	Thảo	K59BLH1	BLH	14		8.60	3.68	86		Khá
70	23D250025	Trần Thị	Loan	K59BLH1	BLH	14		8.55	3.71	91		Khá
71	23D252033	Hà Kiều	Oanh	K59BLN1	BLN	14		8.76	3.86	85		Giỏi
72	23D252021	Nguyễn Hà Khánh	Ly	K59BLN1	BLN	14		8.64	3.71	86		Giỏi
73	23D252036	Đào Thị Như	Quỳnh	K59BLN1	BLN	14		8.61	3.89	83		Giỏi
74	23D252050	Lê Ngọc	Ánh	K59BLN2	BLN	12	2	8.59	3.67	78		Khá
75	23D252078	Ngô Thị	Phương	K59BLN2	BLN	14		8.56	3.64	82		Khá
76	23D252001	Lê Minh	Anh	K59BLN1	BLN	12	2	8.53	3.83	85		Khá
77	23D252058	Nguyễn Thu	Hương	K59BLN2	BLN	14		8.53	3.86	86	Có	Khá
78	23D252044	Nguyễn Thị	Trang	K59BLN1	BLN	14		8.51	3.79	86		Khá
79	23D120072	Nguyễn Thu	Huyền	K59C2	C	17		9.22	4.00	92		Xuất sắc
80	23D120183	Nguyễn Trang	Nhung	K59C4	C	17		9.18	4.00	86		Giỏi
81	23D120084	Lại Thúy	Nga	K59C2	C	16		9.16	3.94	87		Giỏi
82	23D120083	Bùi Hà	My	K59C2	C	17		9.11	3.91	87		Giỏi
83	23D120014	Tạ Thị Hoàng	Dự	K59C1	C	19		9.05	3.95	86		Giỏi
84	23D120031	Đặng Thị Hằng	Nga	K59C1	C	19		9.02	3.82	97		Xuất sắc
85	23D120064	Vũ Ánh	Dương	K59C2	C	19		9.01	3.82	82		Giỏi
86	23D120182	Ngô Quốc	Nguyễn	K59C4	C	16		9.00	3.88	85		Khá
87	23D120056	Vũ Thị Ngọc	Anh	K59C2	C	19		8.97	3.79	85		Khá
88	23D120119	Nông Thu	Huyền	K59C3	C	16		8.91	3.94	90		Khá
89	23D120013	Triệu Thùy	Dương	K59C1	C	19		8.88	3.68	98		Khá
90	23D120180	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	K59C4	C	17		8.88	3.91	87		Khá
91	23D120050	Trần Ánh	Xuân	K59C1	C	16		8.86	3.78	90		Khá

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
92	23D120138	Nguyễn Thị Mai	Phuong	K59C3	C	17		8.84	3.82	85		Khá
93	23D120109	Vũ Nguyễn Ánh	Dương	K59C3	C	17		8.81	3.91	83		Khá
94	23D120147	Đinh Đức	Trọng	K59C3	C	16		8.79	3.84	90		Khá
95	23D120174	Nguyễn Huyền	Ly	K59C4	C	16		8.79	3.75	86		Khá
96	23D122042	Nguyễn Thị Tâm	Thư	K59CC1	CC	18		8.92	4.00	86		Giỏi
97	23D122061	Nguyễn Ý Mỹ	Đức	K59CC2	CC	18		8.71	3.78	100		Giỏi
98	23D122002	Hoàng Hữu Tùng	Anh	K59CC1	CC	18		8.60	3.72	90		Giỏi
99	23D122115	Phan Ngọc	Hiệp	K59CC3	CC	18		8.51	3.78	100		Giỏi
100	23D122011	Nguyễn Phương	Chi	K59CC1	CC	18		8.46	3.78	85		Giỏi
101	23D122019	Nhâm Thị Mỹ	Hạnh	K59CC1	CC	18		8.44	3.67	86		Khá
102	23D122048	Bùi Hải	Yến	K59CC1	CC	18		8.42	3.64	85		Khá
103	23D122067	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	K59CC2	CC	18		8.39	3.58	83		Khá
104	23D122070	Trần Yến	Linh	K59CC2	CC	18		8.39	3.61	84		Khá
105	23D122097	Lê Trần Vân	Anh	K59CC3	CC	18		8.36	3.47	90		Khá
106	23D122053	Trần Mai	Anh	K59CC2	CC	18		8.33	3.67	88		Khá
107	23D122091	Đỗ Thùy	Trang	K59CC2	CC	18		8.32	3.64	87		Khá
108	23D121004	Lê Ngọc	Anh	K59CD1	CD	16		9.05	3.94	86		Giỏi
109	23D121063	Nguyễn Mỹ	Duyên	K59CD2	CD	16		8.94	3.78	87		Giỏi
110	23D121023	Nguyễn Thị Hương	Lan	K59CD1	CD	16		8.90	3.84	85	Có	Giỏi
111	23D121057	Trần Minh	Ánh	K59CD2	CD	16		8.79	3.88	98		Giỏi
112	23D121088	Lê Thị	Phương	K59CD2	CD	16		8.79	3.88	86		Khá
113	23D121076	Nguyễn Khánh	Ly	K59CD2	CD	16		8.78	4.00	86		Khá
114	23D121087	Đỗ Thu	Phương	K59CD2	CD	17		8.72	3.76	85		Khá
115	23D121014	Nguyễn Minh	Hằng	K59CD1	CD	17		8.70	3.85	83		Khá
116	23D121037	Nguyễn Hà	Nhi	K59CD1	CD	17		8.69	3.79	85		Khá
117	23D121067	Giáp Thị Hồng	Hạnh	K59CD2	CD	16		8.64	3.69	93		Khá
118	23D220093	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	K59T3	T	17		9.24	3.88	90		Xuất sắc
119	23D220136	Nguyễn Ngọc	Lan	K59T4	T	17		9.16	3.94	88		Giỏi
120	23D220092	Nguyễn Thị	Hà	K59T3	T	17		9.14	3.88	90		Giỏi
121	23D220132	Lê Thị	Hiền	K59T4	T	17		8.96	3.88	91		Giỏi
122	23D220125	Nguyễn Thị Phương	Anh	K59T4	T	15		8.88	3.90	86		Giỏi
123	23D220120	Trần Như	Việt	K59T3	T	17		8.87	3.88	86		Giỏi
124	23D220064	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K59T2	T	17		8.82	3.74	85		Khá
125	23D220030	Nguyễn Mai	Phương	K59T1	T	15		8.76	3.80	91		Khá
126	23D220095	Dương Huy	Hoàng	K59T3	T	15		8.74	3.80	87		Khá
127	23D220119	Nguyễn Thị Kim	Vân	K59T3	T	17		8.73	3.79	90		Khá
128	23D220068	Phạm Thanh	Nga	K59T2	T	15		8.72	3.80	84		Khá
129	23D220140	Nguyễn Hà	Linh	K59T4	T	17		8.70	3.82	85		Khá
130	23D220004	Nguyễn Thị Hà	Anh	K59T1	T	15		8.68	3.80	87		Khá
131	23D220015	Nguyễn Thị	Hoa	K59T1	T	15		8.68	4.00	94		Khá
132	23D150083	Lê Thị Anh	Thơ	K59D2	D	19		8.69	3.79	86		Giỏi
133	23D150151	Nguyễn Quang	Huy	K59D4	D	16		8.64	3.84	94		Giỏi
134	23D150009	Phạm Thị Tuyết	Đào	K59D1	D	16		8.56	3.81	85		Giỏi
135	23D150005	Trần Vân	Anh	K59D1	D	16		8.44	3.75	97		Giỏi
136	23D150092	Ngô Minh	Anh	K59D3	D	16		8.41	3.56	85		Giỏi
137	23D150087	Nguyễn Thùy	Trâm	K59D2	D	16		8.38	3.72	93		Giỏi
138	23D150001	Dương Kiều	Anh	K59D1	D	16		8.36	3.66	85		Khá
139	23D150173	Nguyễn Thị	Thắm	K59D4	D	19		8.36	3.66	88		Giỏi
140	23D150059	Lê Ngọc	Hân	K59D2	D	16		8.33	3.56	83		Khá

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
141	23D150096	Viên Quỳnh	Anh	K59D3	D	16		8.32	3.56	84		Khá
142	23D150179	Đào Hồng	Vân	K59D4	D	16		8.31	3.50	81		Khá
143	23D150142	Nguyễn Thị	Chúc	K59D4	D	16		8.28	3.56	85		Khá
144	23D150012	Hoàng Việt	Hà	K59D1	D	16		8.27	3.63	90		Khá
145	23D150036	Đoàn Diễm	Quỳnh	K59D1	D	16		8.26	3.56	94		Khá
146	23D150067	Đặng Khánh	Linh	K59D2	D	16		8.22	3.50	83		Khá
147	23D150177	Hoàng Hà	Trang	K59D4	D	16		8.19	3.41	100		Khá
148	23D150049	Nguyễn Thị Vân	Anh	K59D2	D	16		8.15	3.53	81		Khá
149	23D270016	Đỗ Thị Thu	Huyền	K59DC1	DC	16		8.81	3.78	93		Giỏi
150	23D270033	Trần Hà	Phương	K59DC1	DC	16		8.71	3.69	86		Giỏi
151	23D270013	Trần Thị	Hạnh	K59DC1	DC	16		8.56	3.66	84		Giỏi
152	23D270064	Khuất Thị Thanh	Huyền	K59DC2	DC	16		8.53	3.75	90		Khá
153	23D270045	Phạm Bích	Vân	K59DC1	DC	19		8.46	3.74	90		Khá
154	23D270009	Lê Quang	Đạo	K59DC1	DC	19		8.35	3.58	94		Khá
155	23D270075	Nguyễn Thanh	Nga	K59DC2	DC	16		8.31	3.47	81		Khá
156	23D270079	Nguyễn Hà	Phương	K59DC2	DC	16		8.29	3.72	90		Khá
157	23D155022	Nguyễn Thị Thu	Huyền	K59DD1	DD	16		8.77	4.00	92		Giỏi
158	23D155050	Phù Minh	Tuấn	K59DD1	DD	16		8.73	3.81	87		Giỏi
159	23D155092	Lương Hoàng	Phúc	K59DD2	DD	16		8.53	3.75	90		Giỏi
160	23D155023	Vũ Sinh	Hùng	K59DD1	DD	16		8.42	3.56	88		Giỏi
161	23D155024	Bùi Thị Thu	Hương	K59DD1	DD	16		8.41	3.66	91		Khá
162	23D155044	Lê Thị Diệu	Quỳnh	K59DD1	DD	16		8.40	3.69	86		Khá
163	23D155101	Vũ Thuý	Trang	K59DD2	DD	16		8.40	3.63	90		Khá
164	23D155042	Lê Thị	Nhung	K59DD1	DD	16		8.34	3.59	82		Khá
165	23D155066	Nguyễn Thị Hương	Giang	K59DD2	DD	16		8.32	3.56	87		Khá
166	23D155089	Nguyễn Thị	Nga	K59DD2	DD	16		8.21	3.44	84		Khá
167	23D151047	Nguyễn Quỳnh	Trâm	K59DI1	DI	17		8.24	3.47	95		Giỏi
168	23D151014	Bạch Sỹ	Dũng	K59DI1	DI	17		8.24	3.35	90		Khá
169	23D151044	Lương Thu	Thảo	K59DI1	DI	17		8.15	3.41	99		Khá
170	23D151040	Đỗ Thúy	Quỳnh	K59DI1	DI	17		8.08	3.38	100		Khá
171	23D290065	Lê Quỳnh	Giang	K59DK2	DK	16		9.01	4.00	83		Giỏi
172	23D290044	Trương Thu	Thảo	K59DK1	DK	16		8.88	3.78	86		Giỏi
173	23D290097	Vũ Phương	Thảo	K59DK2	DK	19		8.85	3.84	90		Giỏi
174	23D290056	Tô Ngọc	Anh	K59DK2	DK	16		8.81	3.81	88		Giỏi
175	23D290101	Phùng Thế	Vũ	K59DK2	DK	16		8.73	3.78	85		Khá
176	23D290026	Nguyễn Thùy	Linh	K59DK1	DK	16		8.69	3.75	85		Khá
177	23D290030	Đỗ Thị Ngọc	Mai	K59DK1	DK	16		8.69	3.81	86		Khá
178	23D290028	Nguyễn Hữu	Lợi	K59DK1	DK	16		8.65	3.75	86		Khá
179	23D290071	Lê Thị Thu	Huyền	K59DK2	DK	16		8.63	3.75	85		Khá
180	23D130069	Đỗ Thị Thu	Hiền	K59E2	E	18		8.95	3.83	91		Giỏi
181	23D130037	Phan Công	Phúc	K59E1	E	16		8.91	3.88	82		Giỏi
182	23D130094	Phạm Thùy	Trang	K59E2	E	18		8.84	3.94	83		Giỏi
183	23D130131	Đỗ Thị Kim	Ngọc	K59E3	E	16		8.72	3.84	92		Giỏi
184	23D130039	Đỗ Thị Thúy	Quỳnh	K59E1	E	18		8.70	4.00	90		Giỏi
185	23D130005	Phan Thị Phương	Anh	K59E1	E	16		8.68	3.84	94		Khá
186	23D130075	Hoàng Thị Mỹ	Linh	K59E2	E	18		8.68	3.72	82		Khá
187	23D130108	Nguyễn Quang	Chính	K59E3	E	18		8.64	3.75	92		Khá
188	23D130127	Hoàng Thị Hiền	Lương	K59E3	E	18		8.64	3.64	87		Khá
189	23D130056	Lương Nguyễn Ngọc	Ánh	K59E2	E	18		8.63	3.72	91		Khá

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
190	23D130136	Lê Duy	Quang	K59E3	E	18		8.59	3.67	91		Khá
191	23D130087	Nguyễn Đình Thành	Tâm	K59E2	E	18		8.59	3.83	90		Khá
192	23D130106	Hoàng Linh	Chi	K59E3	E	18		8.54	3.61	92	Có	Khá
193	23D130055	Trần Thị Phương	Anh	K59E2	E	16		8.54	3.88	80		Khá
194	23D131086	Trần Ngọc Hải	Ngân	K59EE2	EE	17		8.89	4.00	84		Giỏi
195	23D131048	Dương Thùy	Trang	K59EE1	EE	17		8.81	3.94	86		Giỏi
196	23D131025	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	K59EE1	EE	17		8.69	3.79	83		Giỏi
197	23D131038	Phạm Thu	Phương	K59EE1	EE	17		8.66	3.85	86		Giỏi
198	23D131092	Nguyễn Thái Mai	Phương	K59EE2	EE	17		8.45	3.76	92		Khá
199	23D131036	Đoàn Thị Thu	Phương	K59EE1	EE	17		8.38	3.62	85		Khá
200	23D131066	Nguyễn Khánh	Dương	K59EE2	EE	17		8.36	3.56	89		Khá
201	23D131085	Đặng Tuyết	Mai	K59EE2	EE	17		8.35	3.50	84		Khá
202	23D131051	Đỗ Lê Ngọc	Trâm	K59EE1	EE	17		8.32	3.68	90		Khá
203	23D260019	Vũ Thị Ngọc	Linh	K59EK1	EK	17		8.89	3.94	87		Giỏi
204	23D260024	Hoàng Thị Cẩm	Nhung	K59EK1	EK	18		8.85	3.78	81		Giỏi
205	23D260104	Vương Phương	Thảo	K59EK3	EK	16		8.78	3.81	84		Giỏi
206	23D260015	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	K59EK1	EK	15		8.75	3.77	98		Giỏi
207	23D260054	Đào Nhật	Lệ	K59EK2	EK	15		8.59	3.70	85		Khá
208	23D260005	Trịnh Vũ Tú	Anh	K59EK1	EK	15		8.57	3.70	97		Khá
209	23D260053	Tổng Trần	Huy	K59EK2	EK	15		8.57	3.73	91		Khá
210	23D260084	Lê Thị Hương	Giang	K59EK3	EK	18		8.56	3.75	85		Khá
211	23D260056	Mai Thảo	Ly	K59EK2	EK	16		8.43	3.53	80		Khá
212	23D260047	Lê Quang	Đạo	K59EK2	EK	16		8.34	3.44	86		Khá
213	23D300123	Đỗ Tuấn	Ngọc	K59LQ3	LQ	16		9.23	3.88	94		Xuất sắc
214	23D300063	Nguyễn Xuân	Hung	K59LQ2	LQ	17		9.10	4.00	90		Xuất sắc
215	23D300014	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	K59LQ1	LQ	16		9.01	3.78	88		Giỏi
216	23D300171	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhung	K59LQ4	LQ	17		8.89	4.00	96		Giỏi
217	23D300104	Lê Minh	Đức	K59LQ3	LQ	16		8.88	3.84	89		Giỏi
218	23D300162	Nguyễn Thị	Linh	K59LQ4	LQ	17		8.82	3.91	100		Giỏi
219	23D300176	Đào Thị	Quỳnh	K59LQ4	LQ	19		8.79	3.74	92		Giỏi
220	23D300048	Trần Thị Hải	Yến	K59LQ1	LQ	16		8.76	3.75	90		Khá
221	23D300165	Đậu Huyền	Mai	K59LQ4	LQ	16		8.74	3.78	92		Khá
222	23D300088	Trần Thị	Thùy	K59LQ2	LQ	16		8.73	3.84	89		Khá
223	23D300089	Đặng Thùy	Trang	K59LQ2	LQ	17		8.73	4.00	88		Khá
224	23D300129	Nguyễn Thu	Quỳnh	K59LQ3	LQ	16		8.70	4.00	89		Khá
225	23D300154	Lương Thị	Huệ	K59LQ4	LQ	19		8.69	3.89	86		Khá
226	23D300117	Lê Thị Diệu	Linh	K59LQ3	LQ	16		8.67	3.78	87		Khá
227	23D300020	Nguyễn Thị Khánh	Linh	K59LQ1	LQ	19		8.62	3.74	88		Khá
228	23D300157	Đinh Thị Thu	Hương	K59LQ4	LQ	16		8.61	3.69	82		Khá
229	23D300057	Trần Thành	Đạt	K59LQ2	LQ	16		8.56	3.66	95		Khá
230	23D160204	Phạm Thị Ánh	Tuyết	K59F4	F	16		8.75	3.81	90		Giỏi
231	23D160087	Nguyễn Thị	Ngà	K59F2	F	19		8.66	3.76	100		Giỏi
232	23D160141	Hoàng Tuyết	Nhi	K59F3	F	16		8.64	3.84	96		Giỏi
233	23D160172	Bùi Thúy	Hiền	K59F4	F	16		8.64	3.88	90		Giỏi
234	23D160033	Nguyễn Thảo	Nguyên	K59F1	F	16		8.58	3.75	88		Giỏi
235	23D160080	Đỗ Mai	Linh	K59F2	F	19		8.53	3.68	87		Giỏi
236	23D160065	Nguyễn Thị Hương	Giang	K59F2	F	19		8.52	3.74	83		Giỏi
237	23D160273	Mai Trúc	Hằng	K59F6	F	16		8.51	3.72	100		Giỏi
238	23D160215	Đỗ Thị Kim	Chi	K59F5	F	16		8.50	3.75	85		Giỏi

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
239	23D160058	Trần Thị Lan	Anh	K59F2	F	19		8.46	3.63	87		Giỏi
240	23D160291	Dương Thị	Nguyên	K59F6	F	16		8.46	3.63	100		Giỏi
241	23D160263	Giáp Nguyễn Linh	Chi	K59F6	F	16		8.44	3.63	98		Khá
242	23D160198	Triệu Thị Thanh	Tâm	K59F4	F	16		8.41	3.75	82		Khá
243	23D160260	Phan Thị Ngọc	Anh	K59F6	F	16		8.41	3.50	90		Khá
244	23D160262	Nguyễn Thế	Bảo	K59F6	F	16		8.39	3.53	84		Khá
245	23D160294	Vũ Thị	Oanh	K59F6	F	16		8.39	3.66	91		Khá
246	23D160187	Đặng Thị	Mai	K59F4	F	16		8.38	3.66	90		Khá
247	23D160106	Nguyễn Thị Phương	Anh	K59F3	F	16		8.36	3.59	88		Khá
248	23D160171	Đỗ Thị	Hạnh	K59F4	F	16		8.36	3.69	88		Khá
249	23D160077	Nguyễn Kim	Khánh	K59F2	F	16		8.34	3.56	87		Khá
250	23D160069	Nguyễn Thị	Hằng	K59F2	F	16		8.32	3.47	86		Khá
251	23D160189	Trần Thị Trà	My	K59F4	F	16		8.32	3.47	81		Khá
252	23D160205	Nguyễn Thanh	Vân	K59F4	F	16		8.32	3.69	91		Khá
253	23D160230	Bùi Thị Ngọc	Lan	K59F5	F	16		8.31	3.59	95		Khá
254	23D160081	Lê Ngọc Phương	Linh	K59F2	F	16		8.29	3.56	93		Khá
255	23D160213	Trần Nguyễn Minh	Ánh	K59F5	F	16		8.29	3.47	93		Khá
256	23D160194	Đào Thị Quỳnh	Như	K59F4	F	19		8.28	3.53	90		Khá
257	23D160207	Vũ Thị	Xuân	K59F4	F	16		8.28	3.56	85		Khá
258	23D180092	Đào Tú	Uyên	K59H2	H	17		9.28	4.00	84		Giỏi
259	23D180135	Phạm Thị Thanh	Thư	K59H3	H	17		9.21	4.00	99		Xuất sắc
260	23D180042	Đỗ Văn	Tinh	K59H1	H	17		9.12	4.00	91		Xuất sắc
261	23D180136	Phạm Minh	Trang	K59H3	H	15		9.11	3.87	100		Giỏi
262	23D180060	Trần Thúy	Hiền	K59H2	H	16		9.05	4.00	82		Giỏi
263	23D180173	Phạm Bảo	Ngân	K59H4	H	15		9.01	4.00	90		Giỏi
264	23D180086	Đỗ Thị Diệu	Thu	K59H2	H	15		8.99	3.93	85		Giỏi
265	23D180067	Đào Thị Ngọc	Linh	K59H2	H	17		8.96	3.88	83		Khá
266	23D180022	Phạm Ngọc	Linh	K59H1	H	20		8.91	3.80	81		Khá
267	23D180045	Đặng Hà	Trinh	K59H1	H	15		8.88	4.00	85		Khá
268	23D180019	Phạm Hương	Lan	K59H1	H	20		8.87	3.93	80		Khá
269	23D180066	Trần Văn	Khánh	K59H2	H	15		8.87	3.93	77		Khá
270	23D180102	Trần Linh	Đan	K59H3	H	18		8.79	3.81	100		Khá
271	23D180013	Phan Thị Mỹ	Hạnh	K59H1	H	17		8.77	3.82	77		Khá
272	23D180180	Nguyễn Thị	Thoa	K59H4	H	17		8.77	3.79	77		Khá
273	23D180053	Nguyễn Văn Tùng	Dương	K59H2	H	17		8.75	3.88	80		Khá
274	23D280015	Phạm Thị Kim	Huệ	K59HC1	HC	17		8.75	3.88	84		Giỏi
275	23D280050	Khương Thị Ngọc	Ánh	K59HC2	HC	17		8.68	3.76	80		Giỏi
276	23D280083	Lê Phương	Thảo	K59HC2	HC	18		8.58	3.69	96		Giỏi
277	23D280033	Nguyễn Kim	Oanh	K59HC1	HC	17		8.45	3.65	83		Khá
278	23D280076	Nguyễn Thúy	Ngọc	K59HC2	HC	17		8.45	3.65	80		Khá
279	23D280070	Nguyễn Thùy	Linh	K59HC2	HC	15		8.41	3.73	80		Khá
280	23D280041	Nguyễn Phương	Thảo	K59HC1	HC	17		8.37	3.74	83		Khá
281	23D280013	Nguyễn Thị	Hiền	K59HC1	HC	17		8.35	3.62	94		Khá
282	23D280045	Ninh Thị	Trang	K59HC1	HC	17		8.35	3.62	80		Khá
283	23D185084	Nguyễn Kỳ	Phong	K59HH2	HH	16		8.94	4.00	80		Giỏi
284	23D185058	Hà Mạnh	Cường	K59HH2	HH	16		8.79	3.81	81		Giỏi
285	23D185088	Lê Nguyễn Phương	Thảo	K59HH2	HH	16		8.79	4.00	77		Khá
286	23D185078	Trần Hải	Minh	K59HH2	HH	16		8.74	3.91	80		Giỏi
287	23D185080	Nguyễn Yến	Ngọc	K59HH2	HH	16		8.63	3.84	99		Giỏi

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
288	23D185129	Nguyễn Thị Yến	Nhi	K59HH3	HH	16		8.57	3.75	81		Giỏi
289	23D185059	Dương Thị	Duyên	K59HH2	HH	16		8.54	3.50	80		Khá
290	23D185046	Phan Thu	Uyên	K59HH1	HH	16		8.50	3.75	94		Khá
291	23D185137	Dương Minh	Thư	K59HH3	HH	16		8.46	3.81	96		Khá
292	23D185074	Phạm Thị Khánh	Linh	K59HH2	HH	16		8.45	3.69	80		Khá
293	23D185034	Nguyễn Lâm	Phương	K59HH1	HH	16		8.39	3.50	96		Khá
294	23D185091	Chu Nguyễn Huyền	Trang	K59HH2	HH	16		8.38	3.59	75		Khá
295	23D185111	Trương Thúy	Hiền	K59HH3	HH	16		8.38	3.63	90		Khá
296	23D140052	Nguyễn Lê Nhật	Trang	K59I1	I	16		9.34	4.00	87		Giỏi
297	23D140173	Nguyễn Thị Thu	Uyên	K59I3	I	16		9.23	4.00	84		Giỏi
298	23D140250	Phạm Thanh	Huyền	K59I5	I	16		9.23	3.81	88		Giỏi
299	23D140078	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	K59I2	I	16		9.21	3.81	82		Giỏi
300	23D140259	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K59I5	I	18		9.12	4.00	88		Giỏi
301	23D140020	Phạm Thị	Hoa	K59I1	I	21		9.04	3.93	82		Giỏi
302	23D140205	Trần Khánh	Ly	K59I4	I	16		9.04	3.91	82		Giỏi
303	23D140049	Trần Thị Thu	Thúy	K59I1	I	16		9.01	3.91	88		Giỏi
304	23D140260	Trần Gia	Linh	K59I5	I	16		9.01	4.00	87		Giỏi
305	23D140110	Đặng Huyền	Trang	K59I2	I	16		8.98	3.94	83		Giỏi
306	23D140022	Phạm Lại Việt	Hoàng	K59I1	I	16		8.94	3.81	82		Khá
307	23D140067	Dương Thị Kim	Dung	K59I2	I	16		8.93	3.88	87		Khá
308	23D140137	Nguyễn Ngọc	Huyền	K59I3	I	16		8.90	4.00	97		Khá
309	23D140057	Đỗ Huy	Vũ	K59I1	I	16		8.89	4.00	99		Khá
310	23D140027	Hoàng Thị Thu	Khuyên	K59I1	I	16		8.86	3.84	83		Khá
311	23D140075	Hoàng Thị Ngọc	Hà	K59I2	I	19		8.85	3.84	87		Khá
312	23D140010	Lê Hoàng	Dương	K59I1	I	16		8.84	3.81	82		Khá
313	23D140061	Trịnh Bảo	Anh	K59I2	I	16		8.84	3.91	85		Khá
314	23D140101	Lại Cao	Phong	K59I2	I	16		8.83	3.84	86		Khá
315	23D140114	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	K59I2	I	18		8.82	3.92	86		Khá
316	23D140134	Đỗ Thị	Hằng	K59I3	I	16		8.81	3.91	87		Khá
317	23D140146	Nguyễn Khánh	Linh	K59I3	I	16		8.81	3.84	91		Khá
318	23D140011	Đỗ Thị Kim	Đan	K59I1	I	16		8.79	3.94	96		Khá
319	23D140018	Phạm Thị Thanh	Hào	K59I1	I	16		8.79	4.00	88		Khá
320	23D140276	Nguyễn Văn	Thành	K59I5	I	21		8.78	3.95	85		Khá
321	23D140263	Đỗ Thị Phương	Mai	K59I5	I	21		8.77	3.67	86		Khá
322	23D140014	Ngô Thị Hà	Giang	K59I1	I	19		8.75	3.84	87		Khá
323	23D190047	Bùi Thị Hồng	Vân	K59S1	S	16		9.06	4.00	93		Xuất sắc
324	23D190119	Đồng Thị	Hường	K59S3	S	19		8.97	4.00	91		Giỏi
325	23D190099	Nguyễn Mai	Anh	K59S3	S	19		8.88	3.92	98		Giỏi
326	23D190093	Dương Thị Thanh	Trúc	K59S2	S	19		8.86	3.74	98		Giỏi
327	23D190016	Nguyễn Thị	Huế	K59S1	S	16		8.78	3.81	85		Giỏi
328	23D190023	Lê Thị	Lan	K59S1	S	16		8.71	3.81	90		Giỏi
329	23D190182	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K59S4	S	16		8.71	3.91	90		Giỏi
330	23D190127	Nguyễn Thị	Ngọc	K59S3	S	16		8.69	3.94	90		Khá
331	23D190080	Trần Trà	My	K59S2	S	19		8.67	3.84	90		Khá
332	23D190153	Nguyễn Thị	Duyên	K59S4	S	16		8.63	3.81	96		Khá
333	23D190026	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	K59S1	S	16		8.61	3.63	90		Khá
334	23D190033	Trần Thị	Nguyên	K59S1	S	16		8.61	3.81	88		Khá
335	23D190148	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	K59S4	S	19		8.58	3.82	90		Khá
336	23D190028	Trần Thị	Lý	K59S1	S	16		8.55	3.75	99		Khá

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
337	23D190035	Lò Thị Tuyết	Nhung	K59S1	S	16		8.51	3.69	86	Có	Khá
338	23D190132	Nguyễn Minh	Quân	K59S3	S	16		8.51	3.66	86		Khá
339	23D190087	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	K59S2	S	16		8.49	3.66	90		Khá
340	23D190102	Phùng Thị Minh	Chi	K59S3	S	19		8.48	3.66	90		Khá
341	23D192034	Đặng Thị Anh	Thơ	K59SN1	SN	17		9.15	3.94	97		Xuất sắc
342	23D192048	Đặng Văn	Đan	K59SN2	SN	17		9.14	3.79	99		Giỏi
343	23D192046	Bùi Thị	Duyên	K59SN2	SN	17		9.05	3.76	86		Giỏi
344	23D192042	Nguyễn Hoài	Anh	K59SN2	SN	15	2	8.99	3.73	90		Khá
345	23D192007	Nguyễn Việt	Dũng	K59SN1	SN	17		8.94	3.79	88		Khá
346	23D192021	Đặng Thùy	Linh	K59SN1	SN	17		8.91	3.65	90		Khá
347	23D192065	Nguyễn Thị	Nga	K59SN2	SN	17		8.91	3.74	88		Khá
348	23D192024	Trần Thị Khánh	Ly	K59SN1	SN	17		8.89	3.71	90		Khá
349	23D170243	Nguyễn Vũ Thanh	Hương	K59N5	N	16		8.85	3.81	90		Giỏi
350	23D170268	Vũ Thị	Thảo	K59N5	N	18		8.83	3.92	96		Giỏi
351	23D170060	Phạm Ngọc	Anh	K59N2	N	18		8.77	3.92	83		Giỏi
352	23D170023	Đinh Thị	Huế	K59N1	N	16		8.68	3.84	92		Giỏi
353	23D170032	Vũ Ngọc	Linh	K59N1	N	16		8.63	3.81	94		Giỏi
354	23D170202	Mai Ánh	Ngọc	K59N4	N	16		8.63	3.88	82		Giỏi
355	23D170037	Nguyễn Việt	Nam	K59N1	N	16		8.59	3.69	91		Giỏi
356	23D170074	Nguyễn Thị	Hiền	K59N2	N	16		8.56	3.75	93		Giỏi
357	23D170029	Đỗ Thùy	Linh	K59N1	N	16		8.54	3.63	74		Khá
358	23D170079	Nguyễn Lan	Hương	K59N2	N	18		8.53	3.78	85		Giỏi
359	23D170215	Nguyễn Thị Thu	Trang	K59N4	N	18		8.52	3.64	81		Khá
360	23D170183	Trịnh Thu	Hà	K59N4	N	18		8.51	3.61	81		Khá
361	23D170018	Đặng Thị	Hậu	K59N1	N	18		8.49	3.64	74		Khá
362	23D170053	Nhữ Thị Kiều	Trinh	K59N1	N	16		8.48	3.56	70		Khá
363	23D170244	Nguyễn Đình	Khải	K59N5	N	16		8.46	3.69	70		Khá
364	23D170261	Nguyễn Mai	Phương	K59N5	N	18		8.46	3.69	91		Khá
365	23D170259	Hoàng Đỗ An	Nhân	K59N5	N	18		8.44	3.50	90		Khá
366	23D170031	Nguyễn Thị Yến	Linh	K59N1	N	16		8.43	3.53	91		Khá
367	23D170171	Nguyễn Việt Thảo	Anh	K59N4	N	16		8.43	3.63	90		Khá
368	23D170275	Nguyễn Hoàng	Việt	K59N5	N	18		8.43	3.61	80		Khá
369	23D170267	Đồng Thị	Thảo	K59N5	N	18		8.41	3.61	80		Khá
370	23D170085	Nguyễn Lương Diệu	Linh	K59N2	N	16		8.39	3.53	96		Khá
371	23D170266	Đàm Thuận	Thành	K59N5	N	18		8.39	3.50	80		Khá
372	23D170249	Nguyễn Thị Khánh	Linh	K59N5	N	18		8.38	3.56	70		Khá
373	23D170260	Trần Thị Yến	Nhi	K59N5	N	18		8.38	3.58	74		Khá
374	23D170198	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	K59N4	N	16		8.33	3.56	84		Khá
375	23D200053	Lại Hải	Hà	K59P2	P	15		9.05	3.93	94		Xuất sắc
376	23D200024	Nguyễn Thị Phương	Linh	K59P1	P	15		8.97	3.80	88		Giỏi
377	23D200062	Hoàng Lê Bảo	Lam	K59P2	P	15		8.81	3.77	83		Giỏi
378	23D200018	Đỗ Diệu	Hương	K59P1	P	16		8.77	3.81	90		Giỏi
379	23D200077	Nguyễn Thu	Trà	K59P2	P	16		8.44	3.44	83		Khá
380	23D200075	Trần Thị	Thúy	K59P2	P	16		8.42	3.63	91		Khá
381	23D200055	Nguyễn Thị	Hạnh	K59P2	P	15		8.39	3.53	80		Khá
382	23D200048	Nguyễn Huyền	Diệu	K59P2	P	15		8.22	3.40	81		Khá
383	23D200061	Lương Thị	Hường	K59P2	P	15		8.11	3.40	83		Khá
384	23D200076	Đặng Thị Thuý	Trang	K59P2	P	16		8.07	3.44	80		Khá
385	23D201007	Nguyễn Thị Thu	Chang	K59PQ1	PQ	18		8.73	3.92	88		Giỏi

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
386	23D201071	Lê Bảo	Thư	K59PQ2	PQ	18		8.63	3.83	97		Giỏi
387	23D201017	Dương Văn	Khánh	K59PQ1	PQ	18		8.62	3.89	87		Giỏi
388	23D201059	Nguyễn Diệu	Linh	K59PQ2	PQ	20		8.48	3.70	89		Khá
389	23D201078	Nguyễn Hoàng	Yến	K59PQ2	PQ	18		8.47	3.67	85		Khá
390	23D201039	Nguyễn Thảo	Vy	K59PQ1	PQ	18		8.38	3.56	96		Khá
391	23D105027	Dương Thị Minh	Nguyệt	K59Q1	Q	18		8.93	4.00	90		Giỏi
392	23D105034	Phạm Đức	Tài	K59Q1	Q	18		8.69	3.75	98		Giỏi
393	23D105039	Phan Thị Kim	Yến	K59Q1	Q	18		8.67	3.89	84		Giỏi
394	23D105002	Trần Đức Việt	Anh	K59Q1	Q	18		8.58	3.78	87		Khá
395	23D105004	Nguyễn Minh	Châu	K59Q1	Q	18		8.58	3.78	93		Khá
396	23D105032	Trần Thị Lệ	Quyên	K59Q1	Q	18		8.43	3.69	92		Khá
397	23D107187	Vũ Châu	Giang	K59QT4	QT	16		9.11	4.00	93		Xuất sắc
398	23D107212	Lương Minh	Nhung	K59QT4	QT	16		9.08	3.94	93		Xuất sắc
399	23D107170	Vũ Quỳnh	Trang	K59QT3	QT	16		9.06	3.88	90		Giỏi
400	23D107080	Trần Thị Thu	Huyền	K59QT2	QT	16		8.91	3.75	87		Giỏi
401	23D107167	Lê Thị Thủy	Tiên	K59QT3	QT	16		8.91	3.75	90		Giỏi
402	23D107129	Ngô Thị Ngọc	Hà	K59QT3	QT	16		8.89	3.81	93		Giỏi
403	23D107166	Bùi Thị Minh	Thư	K59QT3	QT	16		8.87	3.75	89		Giỏi
404	23D107221	Đặng Hà	Thu	K59QT4	QT	16		8.82	3.88	89		Khá
405	23D107039	Vũ Mạc Yến	Nhi	K59QT1	QT	16		8.81	3.81	98		Khá
406	23D107071	Trần Thị Hà	Giang	K59QT2	QT	16		8.78	3.81	95		Khá
407	23D107045	Vũ Đức	Tâm	K59QT1	QT	16		8.76	3.78	98		Khá
408	23D107097	Phạm Lê Trang	Nhung	K59QT2	QT	18		8.75	3.83	98		Khá
409	23D107173	Dương Triều	Xuân	K59QT3	QT	16		8.74	3.69	86		Khá
410	23D107107	Dương Thị	Thúy	K59QT2	QT	16		8.73	3.75	77		Khá
411	23D107123	Nguyễn Hồng	Ánh	K59QT3	QT	16		8.71	3.78	83		Khá
412	23D107190	Trần Nguyệt	Hằng	K59QT4	QT	16		8.71	3.84	86		Khá
413	23D107060	Lưu Quỳnh	Anh	K59QT2	QT	16		8.70	3.88	82		Khá
414	23D107089	Đỗ Thị Cẩm	Ly	K59QT2	QT	16		8.69	3.81	95		Khá
415	23D107083	Đặng Trần Hoàng	Lan	K59QT2	QT	16		8.68	3.81	77		Khá
416	23D210037	Trần Thị	Tâm	K59U1	U	17		8.85	4.00	87		Giỏi
417	23D210204	Đinh Thị Thu	Hương	K59U5	U	18		8.76	3.94	95		Giỏi
418	23D210129	Phạm Thị	Sen	K59U3	U	18		8.72	3.89	86		Giỏi
419	23D210203	Hoàng Thị Thanh	Huyền	K59U5	U	18		8.68	3.83	91		Giỏi
420	23D210031	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K59U1	U	18		8.63	3.78	87		Giỏi
421	22D210035	Phạm Thị Ngọc	Ánh	K59U5	U	17		8.53	3.68	83		Giỏi
422	23D210010	Lại Thị Mỹ	Hạnh	K59U1	U	15		8.49	3.80	82		Giỏi
423	23D210170	Trần Thị Huyền	Nhi	K59U4	U	16		8.48	3.72	89		Giỏi
424	23D210014	Đỗ Thị	Huế	K59U1	U	15		8.47	3.77	84		Khá
425	23D210043	Vũ Huyền	Trang	K59U1	U	16		8.46	3.69	84		Khá
426	23D210133	Nguyễn Thị Hải	Thùy	K59U3	U	18		8.44	3.81	91		Khá
427	23D210035	Đặng Thị	Quyên	K59U1	U	16		8.41	3.69	83		Khá
428	23D210184	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	K59U4	U	16		8.41	3.63	85		Khá
429	23D210201	Hoàng Thị Bích	Hậu	K59U5	U	18		8.41	3.56	100		Khá
430	23D210104	Dương Thị Thu	Hà	K59U3	U	18		8.40	3.72	85		Khá
431	23D210103	Nguyễn Hương	Giang	K59U3	U	18		8.39	3.58	80		Khá
432	23D210022	Nguyễn Khánh	Linh	K59U1	U	17		8.38	3.62	79		Khá
433	23D210193	Vũ Minh	Ánh	K59U5	U	16		8.38	3.63	86		Khá
434	23D210078	Nguyễn Hà	Phương	K59U2	U	16		8.36	3.44	82		Khá

STT	Mã SV	Họ và	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	Số TC miễn	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 10	ĐTB HK1 NH 24-25 tháng 4	ĐRL kì 1 NH 24-25	MGHP	Loại HB
435	23D210017	Nguyễn Thu	Huyền	K59U1	U	17		8.32	3.68	82		Khá
436	23D210030	Phạm Thị Tân	Nhàn	K59U1	U	20		8.32	3.48	83		Khá
437	23D211061	Bùi Thùy	Linh	K59UU2	UU	16		8.86	4.00	90		Giỏi
438	23D211047	Lê Đức	Anh	K59UU2	UU	16		8.57	3.81	86		Giỏi
439	23D211077	Đỗ Thị Phương	Thảo	K59UU2	UU	16		8.36	3.63	87		Giỏi
440	23D211035	Đinh Thu	Thủy	K59UU1	UU	16		8.28	3.72	84		Khá
441	23D211005	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	K59UU1	UU	16		8.26	3.56	80		Khá
442	23D211050	Đinh Ngô Huế	Chi	K59UU2	UU	16		8.21	3.63	84		Khá
443	23D211006	Nguyễn Hữu Minh	Duy	K59UU1	UU	16		8.04	3.47	82		Khá
444	23D400042	Trần Thị	Vân	K59V1	V	19		9.04	4.00	97		Xuất sắc
445	23D400019	Nguyễn Thị Lan	Hương	K59V1	V	18		8.97	3.92	90		Giỏi
446	23D400082	Lưu Huyền	Trang	K59V2	V	18		8.88	3.78	81		Giỏi
447	23D400087	Đặng Hải	Yến	K59V2	V	18		8.87	3.83	97		Khá
448	23D400030	Nguyễn Thị Hà	Phương	K59V1	V	18		8.69	3.72	86		Khá
449	23D400072	Ngô Trần Thanh	Ngân	K59V2	V	16		8.69	3.72	93		Khá
450	23D400059	Trần Thị Thúy	Huyền	K59V2	V	18		8.67	3.64	85		Khá
451	23D400081	Lê Thị	Thương	K59V2	V	18		8.64	3.69	80		Khá

(Danh sách gồm 451 sinh viên)